

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÓNG SỰ CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG (QUA NHỮNG TÁC PHẨM TIÊU BIỂU)

Phạm Thị My <sup>(\*)</sup>

Vũ Trọng Phụng (1912-1939) là một tài năng độc đáo, một nhà văn lớn, tiêu biểu, có đóng góp và vị trí quan trọng trong văn học sử dân tộc. Cùng với những cây bút nổi tiếng đương thời như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Nam Cao, Tam Lang, Trọng Long... Vũ Trọng Phụng đã góp phần đáng kể tạo nên một dòng văn học hiện thực đặc sắc, thúc đẩy và hoàn thiện tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc những thập niên đầu thế kỷ XX. Chỉ với 27 tuổi đời và ngót một thập niên cầm bút ngắn ngủi, bằng năng lực sáng tạo dồi dào, con người "bần bạc" Vũ Trọng Phụng, cây bút cần mẫn "không bao giờ ráo mực" Vũ Trọng Phụng đã để lại một di sản văn học đồ sộ với những tác phẩm thực sự "đáng khóc và đáng cười" (Ngô Tất Tố), trong đó có những cuốn được coi là đỉnh cao "có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học" (Nguyễn Khải). Hoạt động văn học của Vũ Trọng Phụng trải rộng trên nhiều lĩnh vực: báo chí, truyện ngắn, phóng sự, tiểu thuyết, văn dịch, nghị luận văn học, chính luận... nhưng hai thể loại sở trường và cũng kết tinh những thành tựu lớn của nhà văn là tiểu thuyết và phóng sự. Sinh thời, bạn bè đồng nghiệp đã trân trọng khẳng định Vũ Trọng Phụng là một gương "mặt lạ" trong văn chương Việt Nam, là "một tiểu thuyết gia xuất sắc", là "Ông vua phóng

sự đất Bắc". Ở đây, chúng tôi muốn đi sâu tìm hiểu qua những tác phẩm phóng sự đặc sắc của Vũ Trọng Phụng: *Cơm thầy cơm cô*, *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Lục xì* và *Một huyện ăn Tết* nhằm khẳng định nét riêng độc đáo trong cá tính sáng tạo, cùng những thành công giá trị và đóng góp đáng trân trọng của Vũ Trọng Phụng ở thể loại phóng sự.

Phóng sự là thể loại luôn gắn bó với những vấn đề thời sự, cấp thiết của đời sống. Bởi thế, để có thể hiểu, lý giải, đánh giá được thấu đáo về phóng sự của Vũ Trọng Phụng, chúng tôi muốn trước hết sơ lược đôi nét bối cảnh xã hội thời Vũ Trọng Phụng sống và sáng tác - những thập niên 20-30 của thế kỷ XX. Đó là thời kỳ đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt ở Việt Nam, dẫn đến những cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng và ý thức hệ; là thời kỳ Thực dân Pháp chủ trương thực hiện chính sách đàn áp về chính trị, bóc lột về kinh tế và đầu độc về văn hóa ở Việt Nam; là thời kỳ xã hội thực dân nửa phong kiến Việt Nam đã bộc lộ sâu sắc những mâu thuẫn, suy thoái. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1919-1933 trên phạm vi toàn thế giới đã để lại những hậu quả nặng nề, đẩy các nước thuộc địa vào tình trạng bị khai thác, bóc lột thậm tệ. Giai cấp cần lao vốn đã nghèo khổ càng bị đẩy vào tình trạng điêu đứng cơ

(\*) ThS., Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

cực, kiệt quệ hơn. Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh do Đảng Cộng sản lãnh đạo nổi lên rầm rộ, nhưng sớm chìm trong bể máu. Phong trào dân chủ vừa dấy lên thổi vào đời sống những tinh thần, những hy vọng mới đã sớm tan vỡ và chính quyền thực dân đã lộ rõ sự mỉa dân, lừa bịp, giả hiệu. Giai cấp thống trị càng quay lại đàn áp, khủng bố dân chúng dã man hơn. Bị bản cùng hóa ở nông thôn, hàng vạn nông dân ùn ùn kéo nhau ra thành phố tìm kế sinh nhai, mong tìm được miếng đất hứa, nhưng kết cục lại bị đẩy vào một vòng nghèo đói, bản cùng mới. Trong làn sóng Âu hóa, cuộc sống thành thị ngày càng "nhốn nháo", càng bộc lộ những sự giả dối, lối bịch, "nhờ bản". Tất cả "quay cuồng, đảo điên đến chóng mặt, biết bao tình huống trở trêu, biết bao cuộc đời lên voi xuống chó, xuống chó lại lên voi, ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông..." Nói như Vũ Trọng Phụng là xã hội vô nghĩa lý, "chó đểu"...

Vũ Trọng Phụng sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó, nói như Ngô Tất Tố là cái "nghèo gia truyền". Trong cuộc mưu sinh, ông sớm phải vật lộn với cuộc sống "khốn nạn", phải chứng kiến và hiểu đến đáy cùng thực trạng xã hội "khốn nạn", "rặt những cái giả dối, những cái bản thủ", "chỗ nào cũng đầy mưu cơ, xu nịnh, lừa đảo", "chỗ nào cũng có tội ác và trụy lạc"... Những cảnh đời ô trọc, đầy những "cái vết thương sâu quảng" "ô ứ, xấu xa" đó của xã hội đã khiến Vũ Trọng Phụng "ghê tởm" và hun đúc trong ông một "niềm căm uất không nguôi". Bởi thế, Vũ Trọng Phụng đã đến với văn chương bằng một quan niệm rạch ròi: Kiên quyết chống lại thứ văn

chương "điều trá", ông không né tránh mà nhìn thẳng vào sự thật, vào những "ung nhọt" của cuộc đời, "cố gắng nhìn vào nỗi đau" của con người, "nhìn vào cái tâm địa của loài người", thẳng thắn phơi bày sự thật. Tranh luận với những văn phái lãng mạn cùng thời, Vũ Trọng Phụng đã đánh thép khẳng định quan niệm văn chương của mình: "Các ông muốn tiểu thuyết là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời... Các ông muốn theo thuyết tây thời, chỉ nói cái gì thiên hạ thích nghe, nhất là sự giả dối. Chúng tôi chỉ muốn nói cái gì đúng sự thật". Nhưng không chỉ là "phơi bày" sự thật, văn chương, trong quan niệm của Vũ Trọng Phụng, còn phải hướng tới cái đích cao quý, cải tạo xã hội - tìm tới những phương thuốc hữu hiệu để chữa trị những "ung nhọt" cho những vết thương xã hội "hàn miệng, lên da". Vũ Trọng Phụng khẳng định: "Tôi đã mang lấy nghiệp văn chương và càng trưởng thành tôi càng thấy trong xã hội nhiều nỗi đau dần vật con người trong thể xác và trong tâm hồn. Cái hố sâu ngăn cách người giàu và người nghèo ngày càng rộng và sâu... *Văn chương sẽ là một phương tiện tranh đấu của những người cầm bút* muốn loại khỏi xã hội con người những bất công, nhen lên trong lòng người nỗi xót thương đối với kẻ bị chà đạp lên nhân phẩm, kẻ yếu, kẻ bị đày đọa vào cảnh ngu tối, bị bóc lột, mỗi ngày kiếm ra đủ bữa ăn tối để nhin vào sáng hôm sau. *Tôi sẽ cố gắng nhìn vào nỗi đau khổ của xã hội, may ra tìm được những phương thuốc cho những cái ung đó có thể hàn miệng, lên da*" [7, tr.126-127].

Quan niệm văn chương tiến bộ đó của Vũ Trọng Phụng đã hướng định sáng tác của nhà văn, tạo nên một phẩm chất riêng, dấu ấn sâu đậm và những giá trị nhân văn sâu sắc trong sáng tác của Vũ Trọng Phụng nói chung và thể loại phóng sự nói riêng.

Sau Tập phóng sự đầu tay *Cạm bẫy người* (1938), Vũ Trọng Phụng liên tiếp cho xuất bản các tập phóng sự dài *Kỹ nghệ lầy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936), *Lục xì* (1937) và *Một huyện ăn Tết* (1936)... làm xôn xao dư luận và nhanh chóng được khẳng định là cây bút phóng sự "sắc sảo và khôn ngoan" (Vũ Ngọc Phan). Phần lớn phóng sự của Vũ Trọng Phụng hướng nhập vào nguồn cảm hứng chủ đạo của phóng sự giai đoạn này: hiện thực đời sống thành thị trong cơn sốt Âu hóa, theo cách nói của Vũ Trọng Phụng là một "trận cuồng phong dữ dội". Không "chốt chốt", phóng sự của Vũ Trọng Phụng là những cuộc săn lùng ráo tiết tận hang ổ của những tội ác hoặc điều tra đến căn nguyên, gốc rễ, từ bên trong những tệ nạn, những thảm trạng xã hội, "lộn trái" xã hội để tìm ra "mặt trái cuộc đời". *Cạm bẫy người* phản ánh một mặt trái đơ dáy của xã hội - nạn cờ bạc bịp. Ở đây, Vũ Trọng Phụng không chú tâm thuật lại, mô tả lại những cảnh sát phạt trên các chiếu bạc mà sắc sảo vạch rõ hoạt động cờ bạc bịp đã là một "nghề", một "kỹ nghệ" - con đẻ của một xã hội lừa bịp. Nó có hẳn một tổ chức, một "cơ chế hoạt động" dưới sự chỉ đạo của những tên trùm bịp sừng sỏ như ám B. Nó có cả một "bộ máy hoạt động" chạy việc với hàng loạt đồ đệ đàn em từ những kẻ thừa hành, những tay

trùm du côn đến những kẻ chuyên dốt "mòng", giữ kết của làng bịp". Dưới sự chỉ đạo của "Bộ tham mưu", bộ máy cờ bạc bịp hoạt động hối hả: phái binh đi, rút binh về, "điều binh khiển tướng từ xa". Chúng còn có cả "xưởng chế tạo khí giới" chuyên nghiên cứu, sản xuất những "khí giới" thiện nghệ trăm trận trăm thắng phục vụ cho kỹ nghệ bạc bịp. Dưới nhiều mảnh khốe, vỏ bọc, "cạm bẫy" bạc bịp giăng khắp nơi, ngày càng rộng. Với tài nghệ và kỹ nghệ hoàn hảo, đánh bạc không còn là chuyện đỏ đen mà là thủ thuật của các đòn, ngón, mảnh bịp bợm... Ngòi bút tài tình của Vũ Trọng Phụng đã len lỏi vào mọi ngõ ngách làng bạc bịp, phơi trần tất cả những ngón lừa lọc, bản thủ của cái "nghề" các bịp ấy. Nhà văn cũng đã đi đến cùng và cho thấy nghịch lý đau lòng: Càng sành sỏi trong "nghề" bao nhiêu, thì nhân tình, nhân tính càng cạn kiệt bấy nhiêu. Mía mai, chua chát, Vũ Trọng Phụng đã bóc trần sự tắng tận lương tâm của những kẻ hành nghề bạc bịp. Để có tiền chơi bời, trác táng, chúng không ngần ngại biến cả những người ruột thịt của mình thành "mòng", dốt bợn bịp về nhà "lột" cả bố đẻ, "thịt" cả chú ruột; có kẻ bất nhân "nướng" hết số tiền mua thuốc cho người thân đang ngắc ngoải chờ thuốc; có kẻ "lột" cả áo bạn đem cầm lấy tiền gỡ bạc, "nướng" vào canh bạc toàn bộ số tiền hàng xóm tang gia nhờ mua áo quan... Khủng khiếp hơn là "tình đồng đạo" ngay trong làng bịp. Chính những kẻ bạc bịp đã chua chát thấm thía: "Nghề bịp không phải là nghề đạo lý, mà làng bịp xử với nhau cũng chẳng có tình nghĩa gì, có nhân nghĩa cũng chỉ là nhân nghĩa quân

đạo tặc mà thôi". Bởi thế, những cảnh hành xử: giở mặt với bạn hữu, ăn chặn ăn bớt của nhau, bịp già bắt nạt bịp non, "thịt nhau", đâm nhau "lòi ruột"... đã là những cảnh "thường tình" như cơm bữa của làng bịp. Có thể nói với việc khám phá một trong những thú "cạm bẫy" nguy hiểm của xã hội, *Cạm bẫy người* là tác phẩm có giá trị tố cáo, giá trị nhân văn sâu sắc.

Sau thành công của *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây* càng khẳng định tài nghệ xuất sắc của cây bút phóng sự Vũ Trọng Phụng. Từ kết quả cuộc điều tra công phu của tác giả ở một làng me Tây "mọc" lên bên cạnh trại lính lê dương ở Thị Cầu, Bắc Ninh, Vũ Trọng Phụng cho thấy việc lấy Tây thực sự là một "nghề", một "kỹ nghệ" - sản phẩm của chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam. Thực chất đó chỉ là những cuộc "hôn nhân" thực dụng: "người vợ chỉ coi chồng là cái tủ bạc", còn chồng ngược lại, lấy vợ cũng chỉ vì một tính toán thực dụng "nuôi đầy tớ họ sợ nó ăn cắp, thà lấy một người vợ để vừa sai bảo, vừa được... việc khác nữa", cốt qua cho thời gian đăng lính ở Việt Nam. Hôn nhân do vậy chỉ là những cuộc chung đụng theo "hợp đồng". Bởi thế, mỗi me thường lấy nhiều chồng và ngược lại chồng cũng thay vợ như thay áo. Vũ Trọng Phụng chua chát vạch rõ thực chất nghề lấy Tây chỉ là một "nghề", một thú mại dâm mặt hạng: làm "điểm" kiếm đầy tớ cho một bọn lính viễn chinh dâm ô, hung dữ và thô lỗ. Nhưng là "nghề" mà lại là "nghề" có "truyền thống" nên cũng phải có những "ngón nghề" và sự cạnh tranh nghiệt ngã với đủ cả "dèm pha", "phá giá" lừa đảo "hớt tay" nhau;

cũng phải chịu sự chi phối nghiệt ngã của luật "cung cầu" của cái thị trường quái gở. Đằng sau cái "kỹ nghệ lấy Tây" là bao nhiêu hậu quả tai hại: sự suy thoái về phong hóa, đạo đức, nhân phẩm; sự cạn kiệt về nhân tính, là số phận bi đát của những cuộc "cầu hợp", "một khi mà người đàn bà chỉ nghĩ đến tiền, người đàn ông chỉ nghĩ đến nhục dục" và biết bao số phận đắng cay, lỡ dở, tủi nhục ê chề thậm chí không lối thoát của những người đàn bà khốn khổ - hiện thân cho những nỗi bi thương của người dân nô lệ một thời. *Kỹ nghệ lấy Tây* do vậy ẩn chứa một giá trị hiện thực, giá trị nhân văn sâu sắc.

Nếu *Kỹ nghệ lấy Tây* đề cập tới nạn mại dâm trá hình dưới hình thức những cuộc "hôn nhân" thì *Lục xi* trực tiếp mổ xẻ nạn mại dâm - một tệ nạn nghiêm trọng của xã hội đương thời. Tác giả đã đưa ra những con số nhức nhối phản ánh thực trạng mại dâm ở đất Hà thành "nghìn năm văn vật" thời ấy: năm nghìn gái mại dâm chính thức, "cứ ba mươi lăm người tử tế thì lại có một người làm đi". Và hệ quả tất yếu là những hậu quả khủng khiếp của nạn mại dâm đối với xã hội: 47% binh lính Pháp ở Bắc Kỳ mắc bệnh hoa liễu; 70% người bị mù, chột của dân Nam là do vi trùng lậu mà ra; 1/4 trẻ sơ sinh chết yếu là do bố mẹ có nọc bệnh giang mai hoặc những biến chứng của bệnh ấy. Quả là những điều mà phàm người nào quan tâm đến xã hội, lo sợ cho giống nòi đều cũng phải biết" và không khỏi rùng mình. Không dừng lại ở hiện trạng, tác giả đã đi sâu truy tìm "nguyên nhân đã làm lung lay cả một nền luân lý và làm cho bệnh hoa liễu

càng truyền nhiễm mạnh", và cảnh tình, báo động "nạn mại dâm nó hại cả giống nòi... phải cứu chữa trước hết". Nhưng điều trở trêu là trong thực tế, đó lại là căn bệnh không thể cứu chữa và giá như có thể cứu chữa được thì các nhà cầm quyền cũng không dám cứu chữa triệt để. Tại sao lại như vậy? Vũ Trọng Phụng tìm lời giải cho câu hỏi bằng cách đi sâu phân tích bản chất xã hội của căn bệnh "kỳ lạ" này. Ông đã vạch rõ đó là "một nạn bất hủ, không tránh không được", nhưng lại "cũng là một sự không có không được". Tuy "nó là một vết thương rất đáng ghê tởm của nhân loại", song "không có nó thì nhân loại sẽ không đứng vững và mất thế quân bình". Rút dây sẽ động rừng. Chỉ nói riêng ở Hà thành thời ấy, nếu xóa bỏ được nạn mại dâm thì theo tác giả, "chín trăm binh lính không có vợ, không theo nổi lý thuyết nhịn nhục, tiết chế dâm dục sẽ bất bình. Các cụ Tú bà tân thời cùng các chị em nhà thổ sẽ thất nghiệp, ba mươi bảy ông chủ sấm và hơn một trăm bồi sấm sẽ thất nghiệp, sáu trăm mười ba ông chủ tiệm thuốc phiện chính thức hoặc không có môn bài sẽ tự tử; năm nghìn gái đi lậu thuế sẽ làm loạn cả Kinh đô; quỹ của thành phố sẽ hao hụt 1388\$86 hàng năm; các đạo binh thất nghiệp gồm bồi sấm, ma cô, phu xe đêm sẽ ghê gớm vô cùng, sẽ gây ra những vụ cướp bóc, trộm cắp đáng sợ vô cùng... Trừ cho hết nghề mại dâm, do vậy "sẽ là một sự nguy hiểm". Đó là lý do khiến người ta phải duy trì cái "sự hại cần thiết" này, không "giải phóng nghề mại dâm mà cũng không thất buộc", chỉ đối phó qua loa, làm "cho phải phép" đối với một tai

họa khủng khiếp như vậy. Thực ra, đây là đề tài được nhiều cây bút đương thời đề cập, nhưng có thể nói, chưa có cây bút nào có được cách nhìn nhận vấn đề sâu sắc, có được cách lý giải vấn đề thấu đáo; có được sự phân tích, đánh giá xác đáng về nạn mại dâm như Vũ Trọng Phụng ở *Lục xi*. Tác phẩm do vậy, "xứng đáng là một phóng sự có giá trị khoa học lớn trong lịch sử văn học của ta.. một mẫu mực về văn chương phục vụ xã hội và khoa học".[3]

Cùng khai thác đề tài đô thị nhưng *Cơm thầy cơm cô* lại viết về một Hà Nội lầm than, Hà Nội nhìn từ phía "cổng hậu" tối tăm thời Pháp thuộc. Tác giả tập trung phản ánh tình cảnh bi thảm của những người nông dân "nhỏ bé" "mờ xám" nghèo đói và khốn khổ bị đánh bật ra khỏi mảnh đất chôn nhau cắt rốn, phải lần hồi ra Kinh thành, chấp nhận nghề đi ở cực nhục để kiếm sống. Điều đáng vì đủ thứ tai họa không thể sống nổi nơi thôn quê, từng đoàn người rách rưới lam lũ như những con thiêu thân lao về "ánh sáng của Kinh thành" những mong tìm được ở chốn ngõ như "thiên đường" ấy một công việc làm kiếm nổi miếng cơm manh áo. Nhưng Hà Nội hoa lệ vẫy gọi họ đến để ban ngày "ra ngồi bày hàng ở ngã ba, ngã bảy", những chợ bán người, mong được bán sức lao động lấy vài xu và ban đêm "lại được nằm trong một xó sân ngủi mùi nước cống, mùi cứt gà và cửa người, nhịn đói nằm co mà nhìn trời". Họ đến với Hà thành "để chết đói một lần thứ hai sau khi bỏ cửa bỏ nhà". Những người may mắn hơn tìm được việc làm cũng thật khốn khổ, điều đáng. Với cảnh phải "ăn đói, làm no", bị

đầy đọa, ngược đãi và đồng công rẻ mạt. Điều đáng sợ hơn là cuộc sống "cơm thầy cơm cô" ấy đã nhanh chóng phân hóa, tha hóa những người dân quê vốn hiền lành chất phác. "Nó đã làm cho một bọn trẻ đực vào nhà Hỏa lò với một bọn trẻ cái làm nghề mại dâm". Với *Cơm thầy cơm cô*, Vũ Trọng Phụng đã "lộn trái" thực chất xã hội thị dân cùng với những "đại diện" tiêu biểu của nó - những ông bà chủ vừa keo bẩn, tàn nhẫn vừa đều cáng, ty tiện, xảo quyệt; với những tấn bi hài kịch xung quanh các mối quan hệ vợ - chồng, cha - con, chủ - tớ khiến người ta "phải hãi hùng kinh ngạc về loài người". Con chủ rửa, nhiếc móc cha vì miếng ăn; vợ khinh chồng "chửi chồng như hát hay"; chồng lừa để "cắm sừng" cho vợ. Có những "phu xe được ngủ giường Hồng Kông với bà chủ", "những thằng nhỏ được kỳ lưng cho các tiểu thư"; có thằng nhỏ hiếp con gái ông phán, lại có những "con sen bị ông Tham hiếp dâm". Có thể nói, với *Cơm thầy cơm cô*, Vũ Trọng Phụng đã phân tích, lý giải sâu sắc hiện trạng thối nát đến cùng cực của xã hội đương thời. Đây là tập phóng sự xuất sắc nhất của Vũ Trọng Phụng và là tập phóng sự có giá trị hiện thực sâu sắc nhất của phóng sự Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

Sau những tập phóng sự sắc sảo mổ xẻ những "ung nhọt" của xã hội thị thành, ở tập phóng sự cuối cùng *Một huyện ăn Tết*, Vũ Trọng Phụng tập trung phản ánh mảng hiện thực nhứt nhối ở nông thôn - nạn tham nhũng. Viết về *Một huyện ăn Tết* nhưng tác giả chú mục lật tẩy cả một hệ thống, một bộ máy tham nhũng, "ăn tiền" ở thôn quê. Cứ

vào dịp Tết, quan huyện lại ký "giấy phép" cho lính đi "tuần tra". Đội quân "ăn cướp có giấy phép" này tổ chức nhiều đợt về sục sạo khắp các làng xã, buộc đám chức sắc địa phương phải hối lộ cho chúng. Sống "ký sinh" "ăn theo" với đội quân và guồng máy tham nhũng này là đám thầy nho lỗ thời chuyên sống bằng nghề thảo đơn từ cũng nhân dịp về các địa phương để "tống tiền" trắng trợn, bất nhân với những đối tượng cần nhờ vả viết đơn... Từ hai mươi Tết, đám lính cơ đã "sôi lên sùng sục" "đi ăn cướp có giấy phép". Hai mươi ba Tết, các thầy nho đi thăm cuối năm. Nhưng thực chất là những cuộc "tống tiền", hai sáu Tết, cai lệ được phép đi tuần "sướng rú lên". Cái cách "xoay tiền", "tống tiền" hàng năm cứ lặp lại diễn ra như bất biến, một căn bệnh "kinh niên" vô phương cứu chữa của xã hội. Số tiền "cướp" được sẽ được chia theo tỷ lệ đã định: một nửa nộp lên ông quản cơ để "biểu các quan trên, cụ Bó, cụ Thượng, ông Đồn". Số còn lại trích biếu ông cụ lục sự, rồi chia nhau. Ở đây, Vũ Trọng Phụng đã sắc sảo khám phá ra cả một bộ máy hành chính tham nhũng từ dưới lên trên. Tham nhũng đã thành bản chất, đã là quy luật không thể tránh được của cơ chế xã hội thuộc địa. Ông mỉa mai, chua chát: "Thì ra cách tổ chức xã hội kim thời... đã là chu đáo đến tột bậc. Xã hội thì như một bộ máy tinh tế mà cá nhân là những bánh xe, nếu một cái quay thì bao nhiêu cái khác cũng phải quay theo... chẳng một ai lại có thể đứng ra ngoài công lệ; cá lớn nuốt cá bé, vì cái phận sự nộp của đút, hoạt động từ dưới lên trên". Với *Một huyện ăn Tết*, Vũ Trọng Phụng càng chứng tỏ tinh thần

nhập cuộc và tấm lòng ưu ái, đầy day dứt về hiện trạng xã hội.

Điểm qua nội dung xã hội các tập phóng sự của Vũ Trọng Phụng có thể thấy, ông đã bám sát hiện thực đời sống, tìm chọn những điểm "nhức nhối" nhất trên cơ thể đầy ung nhọt của xã hội Việt Nam đương thời, mổ xẻ nó đến nơi đến chốn, phơi bày đến đáy cùng những cái hài hước, bi đát, rùng rợn của nó để cảnh tỉnh và thức tỉnh.

Tạo nên giá trị, sức hấp dẫn của phóng sự Vũ Trọng Phụng cùng với nội dung hiện thực nhân đạo sâu sắc, là nghệ thuật phóng sự già dặn đặc sắc của nhà văn. Nghệ thuật phóng sự của Vũ Trọng Phụng rất linh hoạt, đa dạng. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến một số nét tiêu biểu. *Trước hết là nghệ thuật tiếp cận và phản ánh hiện thực.* Như trên đã đề cập, Vũ Trọng Phụng có quan niệm nghệ thuật rạch ròi: phải viết sự thật và đi đến cùng sự thật. Chính quan niệm đó đã chi phối và tạo nên một cách tiếp cận và phản ánh hiện thực riêng, là cơ sở để hình thành nét độc đáo trong phong cách phóng sự của Vũ Trọng Phụng, một "bút pháp tả chân sắc sảo và sự táo bạo trong việc nhìn nhận và lý giải các hiện tượng xã hội" [2]. Khảo sát qua phóng sự của Vũ Trọng Phụng, có thể thấy nhà văn thường không phản ánh sự kiện vụn vặt, riêng lẻ mà tập trung tìm hiểu, khai thác, khám phá và phân tích, lý giải những vấn đề mang tính bản chất của đời sống xã hội: nạn cờ bạc bịp với cơ cấu tổ chức của cả làng bịp và "cơ chế bịp" của nó (*Cạm bẫy người*); Nạn tham nhũng công khai của cả một bộ máy chính quyền hợp pháp trong xã hội thuộc

địa (*Một huyện ăn Tết*); Nạn mại dâm như một căn bệnh xã hội nan giải không thể chữa chạy nổi (*Lục xì*) và "mặt trái đời", bộ mặt đích thực của xã hội thị dân (*Cơm thầy cơm cô*)... Với mỗi vấn đề, Vũ Trọng Phụng lại có cách nhìn, cách phân tích, lý giải mới và "táo bạo". Với nạn mại dâm chẳng hạn, ông không nhìn nó như một hiện tượng đơn lẻ mà là căn bệnh xã hội, gốc gác của nó bền sâu trong xã hội trụy lạc, nó là "sự ..... cần thiết", "không có nó thì nhân loại sẽ không đứng vững và mất thế quân bình", bởi thế trừ diệt nạn mại dâm "sẽ là một sự nguy hiểm" cho xã hội, cho nên người ta "không giải phóng mà cũng không thất bại", "chỉ đối phó qua loa cho phải phép". Và như vậy, nạn mại dâm sẽ "trường tồn", song hành với xã hội thối nát, nhơ nhớp ấy. Chính cách tiếp cận, phản ánh hiện thực đó đã tạo nên những giá trị hiện thực và nhân văn sâu sắc trong những sáng tạo nghệ thuật của cây bút tâm huyết và "dấn thân" Vũ Trọng Phụng.

Không phải ngẫu nhiên mà nhiều người đều có cùng nhận xét: *phóng sự của Vũ Trọng Phụng đậm chất tiểu thuyết.* Tính tiểu thuyết xuyên thấm tự nhiên trong nhiều phương diện của tác phẩm. Yếu tố quan trọng để tạo nên tính tiểu thuyết trong phóng sự Vũ Trọng Phụng là nghệ thuật xây dựng nhân vật. Trong thế giới nhân vật đông đúc, với đủ thành phần - hiện thân của một "nhân loại" "nhếch nhác, lem luốc, xô bồ, ồn ào, ma quái" trong lòng xã hội thực dân nửa phong kiến Việt Nam, có những nhân vật được khắc họa đầy đặn và tạo được ấn tượng đậm cho người đọc, ví như

Trùm ám B (*Cạm bẫy người*), con sen Đui (*Cơm thầy cơm cô*), bà Kiềm Lâm, Duyên (*Kỹ nghệ lấy Tây*), thị Lành, thị Tý (*Lục xì*), thầy Kh. (*Một huyện ăn Tết*)... Đặc biệt, Vũ Trọng Phụng đã sáng tạo được nhân vật *Tôi* khá độc đáo, nhập vai một cách tài tình, hòa nhập vào thế giới nhân vật một cách tự nhiên. Nhân vật *Tôi* khi đóng vai người dẫn dắt các tình tiết và tổ chức các tình huống một cách linh hoạt; khi "trực tiếp tham gia vào các hành động, biến cố" của câu chuyện; khi tách ra để nhận xét, bình phẩm, đánh giá... Với sự tham gia của nhân vật *Tôi*, thế giới nhân vật trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng sinh động hơn, vấn đề được dẫn dắt linh hoạt, hấp dẫn hơn, làm tăng thêm hiệu quả nghệ thuật của tác phẩm.

*Nghệ thuật ngôn từ cũng là một phương diện đặc sắc trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng.* Để hướng tới mục đích sáng tạo một nền văn chương đích thực với chân giá trị: diễn tả sự thực, tôn trọng sự thực, không ngần ngại nói lên sự thực, dù sự thực đó có làm "hãi hùng kinh ngạc về loài người", ngôn từ trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng là lớp ngôn ngữ của đời thường, đối lập với thứ ngôn ngữ "điều trá". Khảo sát qua phóng sự của Vũ Trọng Phụng có thể dễ dàng nhận thấy ông sử dụng một thứ ngôn ngữ "nguyên chất", sắc nhọn, gai góc, thô tháp của đời sống. Khi sử dụng ngôn ngữ đời thường, Vũ Trọng Phụng thường có ý thức khai thác ngôn ngữ tự nhiên phù hợp với từng nhân vật từ ngôn ngữ của bọn cờ bạc bịp đến ngôn ngữ của làng me, lục xì; từ ngôn ngữ của những con sen con ở đến ngôn ngữ của những ông

bà chủ từ nghề nghiệp và các lớp từ đậm chất dân gian, thành ngữ, tục ngữ làm gia tăng sắc thái biểu cảm của câu văn. Dường như ngôn ngữ phóng sự của Vũ Trọng Phụng không bằng phẳng, không chùng mịch và bởi thế, thường tác động mạnh đến người đọc, tạo cho người đọc một ấn tượng đậm, nhiều khi như bị "xóc lên". Thanh Thảo đã có lý khi nhận xét: "Vũ Trọng Phụng là nhà văn có được một hệ thống ngôn ngữ mới mẻ vào bậc nhất so với những nhà văn cùng thời với ông. Trong khi nhiều nhà văn tài danh khác còn đang véo von chữ nghĩa, hoặc cho chữ ra vào khụng khiêng, hoặc tô son trát phấn cho chữ, hoặc khiến chữ èo uột, uốn éo, hoặc cho chữ đứng ngổ ão mạo thì Vũ Trọng Phụng để cho chữ "quậy" thả dàn... Ngôn ngữ của ông nhiều lúc tong tọc như than hồng, như sắt nung, chạm vào đâu là để bốc cháy đấy".

Trở lên chúng tôi đã đề cập một số đặc điểm cơ bản trong phóng sự của Vũ Trọng Phụng. Là sản phẩm của xu hướng văn học phơi bày sự thật, không ngần ngại nhìn vào nỗi đau của con người và đặc biệt là từ một cảm quan nghệ thuật mang tính bạo liệt, phóng sự của Vũ Trọng Phụng là tiếng nói của niềm phấn uất cao độ, nó đối lập gay gắt với mọi khuynh hướng thi vị, lãng mạn hóa trong văn chương đương thời. Cùng với những sáng tác có giá trị của nhà văn trên các thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết, những phóng sự đặc sắc của Vũ Trọng Phụng đã góp phần đáng kể khẳng định vị trí xứng đáng của "Ông vua phóng sự đất Bắc" trong văn học dân tộc.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Quang Hưng (Chủ biên), *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865-1945*, NXB ĐH Quốc gia, H. 2000.
2. Hà Văn Đức, Phóng sự và quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam, in trong *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945*, NXB Văn hóa Thông tin, H. 2000.
3. Hoàng Thiều Sơn, Sáu mươi năm rồi Lục xì cũng nên đọc lại, *Lời giới thiệu Lục xì*, NXB Văn học tái bản năm 1998.
4. Mã Giang Lân (Chủ biên), *Những cuộc tranh luận văn học nửa đầu thế kỷ XX*, NXB Văn hóa - Thông tin, H. 2005.
5. Mã Giang Lân (Chủ biên), *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945*, NXB Văn hóa - Thông tin, H. 2000.
6. Nguyễn Đăng Mạnh, Trần Hữu Tá, *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, 2 tập, NXB Văn học, H. 1993.
7. Nguyễn Hoàn Khung, Lại Nguyên Ân (Biên soạn), *Vũ Trọng Phụng - Con người và tác phẩm*, NXB Hội Nhà văn, H. 1994.
8. Nhiều tác giả, *Từ điển văn học*, tập 2, NXB Khoa học xã hội, H.1983.
9. Vũ Trọng Phụng, Để đáp lời báo Ngày nay: Dâm hay không dâm, *Báo Tương lai*, số 9, ngày 25.3.1937.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXIII, N<sub>o</sub>1, 2007

## SOME ISSUES ABOUT VU TRONG PHUNG'S REPORTAGE

MA. Pham Thi My

*Department of Literature, College of Social Sciences and Humanities*

The article will first inquire on Vu Trong Phung's progressive reportage concept and how his concept was developed and evolved over time. That is to look at his concepts of "novel as a real-life mirror" and "literature as a writers' weapon". This concept has shaped and developed Vu Trong Phung's unique creative writing style. On this foundation, the article will research on Vu Trong Phung's special reports such as: *Cơm thầy cơm cô*, *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây*, *Lục xì* and *Một huyện ăn Tết*. These reports have furthered affirmed the depth, humane values and uniqueness in his writing. Being close to the hard-facts of the real life, knowing how to select the most thought-provoking issues, successfully depicting the ambiguity and bizarre of the contemporary society of his times, Vu Trong Phung have made significant contributions to Viet Nam's Literature' achievements in the period of 1930-1945. This article will later delve into three typical characteristics in Vu Trong Phung's writing style which had given him the name of "Northern King of Reportage". That is the art of subject approaching, his refined, bold and novel influenced writing styles (especially the art of depicting characters), and the art of using pure and unrefined words which derived from the daily life.